

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01/6/2020.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lý Thị Bé Năm**

2. Ông **Cao Châu Tiếp**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thanh An**, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2020 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Trúc D**, sinh năm 1990. (Có mặt)

- Địa chỉ: Khu phố 4, phường H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

\* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1990. (Có mặt)

- Địa chỉ: Khu phố 4, phường H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc D trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn Quốc T cưới nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Bình, huyện Cai Lậy (nay là phường H, thị xã C) giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 10/4/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc, anh T thường xuyên ăn chơi nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con, gần đây thì tôi phát hiện anh T có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, mặc dù đã nhiều lần thuyết phục, khuyên nhủ để anh T từ bỏ thói hư tật xấu, vợ chồng cùng nhau chăm sóc xây dựng gia đình, nhưng anh T vẫn không sửa đổi được, năm 2019 tôi đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án thị xã nhưng sau đó rút lại để cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng anh T vẫn không sửa đổi được, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Hoài Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Hoài Quốc T, sinh ngày 29/11/2016. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/02 con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:*

Tôi và Phạm Thị Trúc D là vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã T, huyện C (nay là phường H, thị xã C). Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ tôi hay có tính ghen tuông. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của vợ tôi không đồng ý với lý do tôi còn rất thương vợ con.

- Về hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với Phạm Thị Trúc D.

- Về con chung: có 02 con chung như Phạm Thị Trúc D trình bày là đúng, trường hợp nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì tôi đồng ý giao 2 con chung cho vợ nuôi dưỡng, tôi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng/2 đứa.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung, tại phiên tòa chị D và anh T cũng thống nhất mỗi người nuôi 01 con chung, đề nghị giao cháu A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu A do anh T không yêu cầu, đề nghị giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện anh T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 5.000.000đ. Về tài sản chung, nợ chung do 2 bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Về con chung chị D và anh T thống nhất thỏa thuận nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu A không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu A. Giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ, về tài sản chung, nợ chung 2 bên thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Phạm Thị Trúc D và anh Nguyễn Quốc T chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã T (nay là phường H, thị xã C) là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị D khai thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng

không được, chị D có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh Nguyễn Quốc T có lời khai là vợ chồng có mâu thuẫn trong thời gian từ năm 2019 đến nay, nguyên nhân do chị D hay ghen tuông, nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nhưng đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D thì anh T không đồng ý với lý do là còn thương vợ con. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã phát sinh trong thời gian dài nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được mặc dù đã được Tòa án hòa giải động viên nhưng vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được từ đó xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn với anh T.

Về con chung: tại phiên tòa hôm nay chị D và anh T thống nhất thỏa thuận nếu Tòa án cho ly hôn thì anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu A không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu A. Giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên đương sự nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung này.

Về tài sản chung, nợ chung: 2 bên đương sự thống nhất khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định. Anh T phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin hôn của chị Phạm Thị Trúc D. Cho chị Phạm Thị Trúc D được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2/. Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Hoài Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 cho anh Nguyễn Quốc T chăm sóc nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu A do anh T không yêu cầu.

+ Giao cháu Nguyễn Hoài Quốc T, sinh ngày 29/11/2016 cho chị Phạm Thị Trúc D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi lao động được.

Chị Phạm Thị Trúc D và anh Nguyễn Quốc T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản chị D, anh T thực hiện quyền này.

Kể từ khi chị Phạm Thị Trúc D có đơn yêu cầu nếu anh Nguyễn Quốc T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

3/. Về án phí: Chị Phạm Thị Trúc D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000397 ngày 10/01/2020, xem như chị D đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5/. Chị Phạm Thị Trúc D, anh Nguyễn Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND phường H, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Phan Thị Kim Thoa**